

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tân;
2. Ông Lê Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị H,

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T,

Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân:

Trong nội dung Đơn xin ly hôn đề ngày 3 tháng 4 năm 2019; Bản tự khai, nguyên đơn - chị Trương Thị H trình bày: Chị (H) và anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngày 10 tháng 4 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình tại nhà riêng của anh T ở tiểu khu C, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, tình cảm ngày càng rạn nứt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tính tình không hợp nhau, bắt

đồng quan điểm sống; đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, Chị không còn quan tâm đến anh T. Do không thể quay lại cuộc sống chung vợ chồng; tình trạng hôn nhân trầm trọng, kéo dài nên xin được ly hôn.

Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày: Về việc kết hôn và sinh sống, quá trình chung sống, anh T nhất trí như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà riêng của Anh (T) được khoản 5 tháng thì chị H bỏ về gia đình ngoại tại thôn Đ, xã H một thời gian thì chị H về sống cùng gia đình Anh, được 2 tháng nữa thì chị H lại bỏ đi Miền Nam làm ăn từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau, không còn tình cảm và đã sống ly thân. Tình trạng quan hệ vợ chồng lâm vào trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nay chị H xin ly hôn Anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T đều khai thống nhất là không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T đều khai thống nhất là không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - chị Trương Thị H, bị đơn - anh Nguyễn Văn T vắng mặt, đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố ý kiến, lời khai có trong hồ sơ vụ án:

Chị Trương Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Hai bên không có con chung; không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hai bên không có con chung; không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về việc tiến hành tố tụng: Việc tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự, cho Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện và được đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ, tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp. Chị H, anh T không có con chung; không có tài sản chung, quyền nghĩa vụ chung về tài sản, không có yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình (ly hôn), các đương sự có nơi cư trú tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn giải quyết vụ án, chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T đều có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì việc đi lại khó khăn, không có điều kiện để tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án; vụ án không tiến hành hòa giải được, phiên tòa xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự theo đề nghị của chị H, anh T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn của nguyên đơn – chị Trương Thị H:

Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T đã đến mức căng thẳng, Chị Trương Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn theo lời khai, ý kiến đã trình bày tại Tòa án trong Bản tự khai. Tình cảm vợ chồng của hai bên (chị H, anh T) không còn, không thể trở lại cuộc sống chung vợ chồng được nên đều muốn được ly hôn. Xét thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa hai bên không thể cải thiện được; cả hai bên đều đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, tình trạng quan hệ hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T khai thống nhất, không có con chung, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có đương sự yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004719, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND TT. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo